

GÓP PHẦN TÌM HIỂU HÀNH TRÌNH NGHIÊN CỨU TIẾP NHẬN VĂN CHƯƠNG NGUYỄN CÔNG TRỨ

Nguyễn Viết Ngoạn

Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh

(Bài nhận ngày 04 tháng 3 năm 2003)

TÓM TẮT: Văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX là đỉnh cao của văn học dân tộc thời trung đại. Sau tám thế kỷ hình thành, tồn tại và phát triển, đến giai đoạn này, dòng văn học viết nước ta hoàn toàn có đầy đủ điều kiện, cơ sở để gánh vác sứ mạng lịch sử của nó. Đây là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của văn học, với nhiều thành tựu to lớn, bề thế về cả lượng lẫn chất.

Nguyễn Công Trứ là một tác gia có nhiều đóng góp lớn với văn học nước nhà trong giai đoạn này. Tuy nhiên, việc tiếp nhận và đánh giá các tác phẩm cũng như con người của ông có nhiều quan điểm rất khác nhau. Bài viết này có mục đích nhìn lại quá trình tiếp nhận, đánh giá đó.

Văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX là đỉnh cao của văn học dân tộc thời trung đại. Sau tám thế kỷ hình thành, tồn tại và phát triển, đến giai đoạn này, dòng văn học viết nước ta hoàn toàn có đầy đủ điều kiện, cơ sở để gánh vác sứ mạng lịch sử của nó. Đây là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của văn học, với nhiều thành tựu to lớn, bề thế về cả lượng lẫn chất.

Xét đến cùng, trên hành trình kiếm tìm bản ngã thời trung đại, thì đến giai đoạn này, do nhiều tác nhân, con người – cá nhân như thức tỉnh, tự khẳng định mình bằng mọi cách, nhất là các giá trị cá nhân. Không thể quên những Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Cao Bá Quát... với nỗi khắc khoải về số phận đốn đau, về bi kịch tìm kiếm hạnh phúc của con người. Họ như bừng tỉnh để thăng hoa tâm hồn mình vào tâm thức dân tộc. Mỗi người mỗi vẻ, họ đã tạo ra một loạt tác phẩm ưu tú, những kiệt tác văn chương của muôn đời. Nguyễn Công Trứ thuộc trong số này. Nguyễn Công Trứ đã tạo được dấu ấn riêng hết sức độc đáo và đã có những đóng góp to lớn cho nền văn học dân tộc trong thời kỳ này.

Các công trình nghiên cứu, các bài phê bình hoặc các ý kiến đánh giá liên quan đến “hiện tượng văn học” Nguyễn Công Trứ không phải là ít. Chúng tôi tạm phân loại (về hình thức thể loại văn bản) theo 4 nhóm :

- Loại văn học sử
- Loại giới thiệu, phê bình, khảo cứu
- Loại danh nhân văn hoá hoặc giai thoại
- Loại tổng hợp (cuộc đời, sự nghiệp, thi ca...)

Như vậy, hành trình nghiên cứu cũng như tiếp nhận sự nghiệp sáng tác văn học của Nguyễn Công Trứ khá đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, nếu chiếu theo tiêu chí *vấn đề con*

người cá nhân và cá tính sáng tạo, thì chúng ta có thể hệ thống lại những tài liệu đã công bố mà *cận* hoặc *giao* với tiêu chí nói trên và theo trình tự sau :

1- Trước Cách mạng tháng Tám – 1945

Trong không khí canh tân và xây dựng nền quốc học, quốc văn mới trên cơ sở chữ quốc ngữ đã bắt đầu phát triển và tiếp thu kinh nghiệm học thuật từ phương Tây, lần đầu tiên có một công trình nghiên cứu khá quy mô của Lê Thước: *Sự nghiệp và thi văn của Uy viễn tướng công Nguyễn Công Trứ* (Imprimerie Mạc-Đình-Tư, Hà Nội, 1928). Cuốn sách này mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu một *đanh nhân văn hoá* hơn là một tác gia văn học. Tuy vậy, khi nghiên cứu Nguyễn Công Trứ trên bình diện là tác gia văn học, Lê Thước cũng đã có nhận xét khá thuyết phục. Ông đã chỉ ra được nét khác biệt trong sáng tác văn chương của Nguyễn Công Trứ:

“Những người đa sầu, đa cảm như cụ Nguyễn Du, Ôn Như Hầu thì thấy việc gì trái ý cũng lấy làm đau đớn xót xa mà phát ra những lời văn bi sầu thảm thiết, ai nghe cũng phải cau mày nghiêng răng. Còn như cụ Nguyễn Công Trứ thì là một người hay tư tưởng, cho nên những sự vui, buồn, sướng, khổ trên đời toàn là trò chơi cả, không đủ làm cho cụ động lòng. Cái đời người ta... cụ không kể ra gì đã đành, đến trời đất cổ kim cụ cũng hí lộng... “ [Sđd; tr. 49].

Cùng trong bối cảnh đó, Nguyễn Văn Ngọc trình làng cuốn *Nam thi hợp tuyển* (Vĩnh Long thư quán, Hà Nội, 1927). Khi bàn đến văn thơ Nguyễn Công Trứ, tác giả cũng đã có hướng xem xét cá tính sống và văn phong của Nguyễn tiên sinh như sau: “Ông Nguyễn Công Trứ là một người có khí -tiết. Ông làm văn rất hay. Thơ ca của ông rất nhiều và sở trường riêng về lối ca trù... Có lẽ vì ông lúc hàn-vi, gian-truân, khổ sở, lúc làm quan ba chìm bảy nổi, lúc về hưu nhàn tản tiêu dao mà ông tự tác thành một nhà thi-sĩ, thiết đã có khí phách hơn người, lại có độ lượng, dung được người, bao được cả đời nữa: Văn của ông có lực, có lượng, văn của ông hùng kiệt mà hồn hậu, thực có ích cho cái buổi phù phiếm, nhu nhược này... “ [Sđd ;tr. 208]

Thú vị là, ngay đến một học giả người Pháp là Georges Cordies, khi nói tới Nguyễn Công Trứ cũng phải hạ bút rằng:

“ Trong số những văn- nhân danh tiếng trong thời kỳ cận đại xứ An-Nam, phải kể đến cụ Thượng Trứ ...

Giọng văn cụ Thượng Trứ cường tráng như con người lên yên, khó lòng kìm hãm nổi... “ (*Morceaux Choissies d’ Auteurs Annamites*. Imprimerie Lê Văn Tân, Hà Nội, 1935).

Trên tạp chí văn học *Tao Đàn* (số 1, tháng 3-1939), Lưu Trọng Lư trong bài viết *Nguyễn Công Trứ – nhà thi sĩ của Nghệ Tĩnh*, tuy vẫn tất, nhưng cũng đã đề cập đến sự hài hoà, hướng thượng của ý thức và tính cách cá nhân của Nguyễn tiên sinh: “Thật là sự điều hoà kỳ diệu của những cái tương phản nhau; sự điều hoà của mộng với thực, cái ngông cuồng của một kẻ *lãng tử*, với cái nề nếp của một *nhà nho*, và cuối cùng là sự điều hoà của thơ văn với Khổng giáo. Nguyễn Du muốn là người bạn hoàn toàn của thơ văn, đã phải lảng Nho mà theo Phật... Nguyễn Công Trứ ở trong cái phong khí khắc khổ của Nho, mà vẫn khoáng đạt thích thẳng như một đồ đệ Lão Trang. Tiên sinh vừa hành binh, trị nước, vừa ngâm hoa vịnh nguyệt, mà cái này không hại đến cái kia... Nguyễn Công Trứ vào đời trang nghiêm như Đức Trọng Ni, ra đời hiên vui như thầy Trang Tử. Không phải là một thi nhân đáng lưu truyền hậu thế, mà là một *quan niệm về nhân sinh* đáng truyền bá ra giữa một cuộc đời Âu Tây chật vật sao?”.

Dương Quảng Hàm trong cuốn *Việt Nam văn học sử yếu* (Nha học chính Đông Pháp, Hà Nội, 1941), đã cho rằng “ ... Trong tập thơ Nôm và nhất là trong những bài Hát nói là lối văn sở trường của ông (*tức N.C.T- chú thích của người viết*), ông thường khuyên người tài trai phải *gắng sức lập nên sự nghiệp ...*, rồi đến khi đã làm xong phận sự thì nên *hưởng lấy cuộc an nhàn*. Văn ông không thiên về tình buồn sầu như phần nhiều thi ca của ta, mà ý tứ mạnh mẽ, từ điệu rần rỏi, khiến người đọc thấy cũng phấn khởi hăng hái lên... “. Cũng Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam thi văn hợp tuyển* (Nha học chính Đông Pháp, Hà Nội, 1943) đã dành hẳn một phần để giới thiệu về thơ ca Nguyễn Công Trứ. Dĩ nhiên, hai cuốn sách vừa kể ra chỉ là sách giáo khoa, giáo trình (*Trung học Việt văn giáo khoa thư*), nghiêng về văn học sử, nhưng tác giả đã đề cập ít nhiều về *ý thức cá nhân cống hiến*, về tâm sự chua chát đối với cảnh ngộ của Nguyễn Công Trứ.

Trong thời gian này, Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam* và Ngô Tất Tố trong *Thi văn bình chú* đã đánh giá khá xác thực *ý nghĩa và giá trị nhân sinh* của văn chương họ Nguyễn.

Hoài Thanh viết: “Thi nhân ta đã cơ hồ mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước, chữ ta với họ to rộng quá (...). Đến chút lòng tự trọng cần để khinh cảnh cơ hàn, họ cũng không có nữa.

Nỗi đời cay cực đang giơ vuốt

Cơm áo đâu đùa với khách thơ.

Không biết trong khi rên rĩ như thế, Xuân Diệu có nghĩ đến Nguyễn Công Trứ, một người đồng quận, chẳng những đã đùa cảnh nghèo mà còn lấy cảnh nghèo làm vui... “ (*Thi nhân Việt Nam*, Nxb Nguyễn Đức Phiên, Huế, 1942).

Còn Ngô Tất Tố viết : “Cái đặc sắc trong văn chương ông (*tức N.C.T, tác giả chú thích*) là bài nào cũng sáng sủa, rõ rệt, dùng chữ đặt câu không có rắc rối điên đảo. Nhận một chỗ đó cũng đủ thấy ông là người tâm địa quang minh. Thi ca Nguyễn Công Trứ ít khi chịu dùng điển tích, đó là đặc điểm của văn quốc âm trong hồi Nguyễn sơ...” (*Thi văn bình chú*; Tủ sách Tao Đàn – Nxb Tân Dân, Hà Nội, 1942).

Điều cần lưu ý ở giai đoạn này là vào năm 1945, Nguyễn Bách Khoa (Trương Tửu) đã có cuốn *Tâm lý và tư tưởng Nguyễn Công Trứ*. Đây là một chuyên luận khá công phu. Tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu và lý luận văn học mới. Trong điều kiện học thuật nước nhà lúc đó, phải thừa nhận đây là một cố gắng không nhỏ. Và thực tế, chuyên luận *Tâm lý và tư tưởng Nguyễn Công Trứ* đã đạt được một số kết quả. Tác giả xem xét Nguyễn Công Trứ trên 2 phương diện tư tưởng và tâm lý (theo cách duy danh thời đó), tức là bước đầu đã đề cập đến *cơ sở hình thành ý thức cá nhân* (trong tư tưởng) *nhân cách sống và sáng tạo nghệ thuật* (từ tâm lý, sở thích). Tuy vậy, do sử dụng phương pháp đối chiếu xã hội học dung tục, duy vật máy móc, nên Nguyễn Bách Khoa có một số kết luận quá chủ quan. Chẳng hạn ông cho rằng ý thức con người siêu nhân Nguyễn Công Trứ này giống với con người siêu nhân của Nietzsche.

Hoặc khi so sánh với thực tế xã hội – lịch sử, có lúc nhầm, nên Nguyễn Bách Khoa võ đoán “Vì vậy, ở nơi cao lâu tửu quán giai cấp nho sỹ phải đem thái độ chuốt lọc ra để đàn áp tinh thần đối phương. Cho nên, quan niệm hành lạc của Nguyễn Công Trứ là một phương tiện thống trị ...” (Sđd;tr.119). Hoặc do đề cao *thuyết phân tâm Freud* với hạt nhân *tính dục* (libido) mà vô tình hạ thấp Nguyễn Công Trứ ; “Chất tình dục quả là sức tích ở con người, ở cuộc sống và ở văn thơ Nguyễn Công Trứ ” (Sđd ; tr.119).

2. Từ Cách mạng tháng Tám đến 1975.

* *Giai đoạn từ 1945 đến 1954*, dân tộc ta sống trong một hoàn cảnh đặc biệt. Tất cả cùng đứng lên nhằm bảo vệ nền độc lập và giữ vững những thành quả của nhà nước dân chủ cộng hoà non trẻ. Tất cả đều vì sự tồn vong dân tộc. Số phận của dân tộc là tối cao. Trong điều kiện lịch sử nghiệt ngã như thế, việc nghiên cứu văn học (trong đó có văn chương Nguyễn Công Trứ) có bị gián đoạn, ngưng trệ cũng là điều dễ hiểu.

* *Giai đoạn từ 1954 – 1975*: Hiệp định Giơnevê được ký kết, đất nước bị chia thành đôi bờ giới tuyến. Chúng tôi tạm phân nhánh việc nghiên cứu văn thơ Nguyễn Công Trứ theo hai miền Bắc – Nam.

Ở miền Bắc :

Việc nghiên cứu văn học nói chung và thơ văn Nguyễn Công Trứ nói riêng được tiếp tục đặt ra. Với không khí xã hội của thời kỳ đó (cải cách ruộng đất, hợp tác hoá nông nghiệp, đất nước bị chia cắt...), và nhất là sự kiện *Nhân văn – Giai phẩm* vừa xảy ra trên địa hạt văn chương, thì việc nghiên cứu đối với một tác giả và tác phẩm vào loại “*có vấn đề*” như Nguyễn Công Trứ quả là không đơn giản. Những vấn đề đặt ra trong văn chương của ông như con người, ý thức cá nhân, riêng tư, công danh, hưởng thụ, những nỗi đau nhân tình... đều hình như có vẻ “*ngược pha*” trong tình hình ấy.

Không riêng gì ở Việt Nam, mà ở các nước XHCN khác, thời đó trong sáng tác và lý luận nghiên cứu, thuyết *không có xung đột* và khuynh hướng *tô hồng* vẫn đang giữ vai trò chủ soái, lấn lướt.

Nói hơi dài dòng như vậy, để chúng tôi trân trọng các nhà nghiên cứu Lê Thuộc, Hoàng Ngọc Phách, Trương Chính khi làm hợp tuyển *Thơ văn Nguyễn Công Trứ* (Nxb Văn học, Hà Nội, 1958). Họ đã bước đầu tiếp cận và đánh giá khá xác đáng những gì mà *ý thức bản thân* (con người – cá nhân) được biểu hiện trong văn thơ Nguyễn Công Trứ và tác dụng của nó đối với người đọc trên bình diện tiếp nhận văn học. “Thơ ông (N.C.T) cũng được nhiều người thuộc, và trong nhiều trường hợp người ta cũng đã *mượn thơ văn ông* để nói lên *nỗi lòng riêng của mình*. Chí khí của kẻ làm trai, tinh thần lạc quan tin tưởng vào tài năng, tương lai, cũng như phong cách phóng khoáng, tự tại cho đến cả thái độ ngang tàng, ngất ngưỡng khi bị đời hiểu lầm, giày xéo, tất cả những cái đó trong thơ ông đều có một *sức cảm dỗ đặc biệt* và đều *phù hợp với tâm trạng* của nhiều thế hệ. Nhưng gần đây, có ý kiến thiên lệch của một số nhà phê bình văn học làm cho quần chúng độc giả không còn biết đường lối nào nữa để mà khen chê. Trong lòng thì họ *vẫn thích* thơ văn ông, nhưng khi nói ra thì có phần e dè *sợ sai lạc*. “ (Sđd ;tr.38).

Trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, tập 5 (Nxb Sử học, Hà Nội, 1960), Nguyễn Hồng Phong sau khi nêu những biểu hiện mâu thuẫn trong tư tưởng Nguyễn Công Trứ lại cho rằng: “Thơ Nguyễn Công Trứ trở thành “*vấn đề*” trong lịch sử văn học. Xung quanh thơ văn và cuộc đời ông có nhiều ý kiến khác nhau, thường là trái ngược nhau; có nhà phê bình cho sự nghiệp văn chương của ông có giá trị bậc nhất, cũng có người cho là văn chương của ông rất ít có giá trị...”

Trên *Tạp chí văn học* (số 5/1962), Nguyễn Nghiệp có bài viết “*Những nhân tố gì đã tạo nên mâu thuẫn trong tư tưởng Nguyễn Công Trứ*”. Tác giả đã cho rằng Nguyễn Công Trứ chủ yếu là con người hoạt động nên “trong khối mâu thuẫn, khía cạnh chủ đạo vẫn là tư tưởng hành động của ông hay là chủ nghĩa anh hùng của ông. Và trong nội dung chủ nghĩa anh hùng đó, tư tưởng hành đạo tích cực của một kiểu nhà nho có thiện chí vẫn là mặt chính yếu”. Tác giả bước đầu đã xác định được *kiểu hình con người cá nhân* theo quan niệm của Nguyễn Công Trứ. Rất tiếc là khi kết luận, tác giả lại quay về nỗi “*ám ảnh*” vốn có của một

thời: "... Nguyễn Công Trứ trước sau cũng là người của giai cấp thống trị bóc lột... cho nên thơ văn Nguyễn Công Trứ... là những phần gắn chặt với tư tưởng của giai cấp thống trị phản động và suy đồi. Cái phong cách của ông cũng chỉ là một thứ phản ứng bất lực, tiêu cực của một con người chỉ nhìn thấy cá nhân mình".

Ở miền Nam:

Thơ văn của Nguyễn Công Trứ được giảng dạy (và được dành chỗ khá trang trọng) trong chương trình trung học, đại học. Chính vì vậy mà ta thấy chủ yếu vẫn là các bộ sách giáo khoa, giáo trình, các khảo luận, luận đề. Chẳng hạn: *Việt Nam thi văn giảng luận* (Hà Như Chi, xuất bản từ 1951); *Nguyễn Công Trứ – luận đề – khảo luận* (Kiêm Đạt, 1959); *Khảo luận về Nguyễn Công Trứ* (Doãn Quốc Sỹ, Việt Tử, 1960); *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* (Phạm Thế Ngũ, 1961), *Bảng lược đồ văn học Việt Nam* (Thanh Lăng, 1967); *Việt Nam văn học sử trích yếu* (Nghiem Toàn, 1967) và một số *khảo luận* dùng để giảng dạy trong nhà trường của các tác giả: Trần Bằng Phong, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Sỹ Tế, Vũ Thước, Minh Văn, Xuân Tước... Ngoài ra còn có: *Việt Nam ca từ biên khảo* (Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề, 1962), hoặc các loại truyện danh nhân như: *Hy Văn tướng công di truyện* (Lê Xuân Giáo, 1973). Các thế hệ học sinh của thời kỳ này tiếp thu và chịu ảnh hưởng thơ văn Nguyễn Công Trứ. Hành trang vào đời của họ, người ít người nhiều, đều có "mẫu hình" của người anh hùng cá nhân: *Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc. Nợ anh hùng vay trả, trả vay*. Nhìn vào diện mạo chung, việc nghiên cứu sáng tác văn học của Nguyễn Công Trứ đã được đặt ra tương đối bài bản. (Dĩ nhiên, chúng ta chưa bàn đến quan điểm, mục đích và điều kiện nghiên cứu).

Cũng do tính chất giáo khoa (văn học sử), nên những vấn đề cần nghiên cứu chuyên sâu chưa được đặt ra nhiều. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu vẫn là phép đối chiếu xã hội – lịch sử với nội dung phản ánh của tác phẩm. Mặt khác, do ảnh hưởng của lối phê bình ấn tượng, trực cảm cùng với cảm hứng ngợi ca và lòng ngưỡng mộ Uy Viễn tướng công, nên không ít ý kiến có vẻ như hơi thiên lệch, một chiều, thậm chí là cực đoan. Hà Như Chi trong *Việt Nam thi văn giảng luận* đã cho rằng: "Chí nam nhi là sản phẩm của tình cảm, của lý trí và của một ám ảnh siêu hình" (Sđd ;tr.570). Hơi khác một chút, ông lại xếp "hành lạc là một đặc điểm trong cái nhân của cụ Nguyễn Công Trứ" (Sđd;tr.576) và đánh giá mâu thuẫn ở Nguyễn công như sau "Nhưng xét cho kỹ, những cái mâu thuẫn ấy chỉ là bề ngoài, cái tâm lý sâu sắc của Nguyễn Công Trứ vẫn là đồng nhất, trước sau như một. Chính cái bản ngã vững chắc của cụ là sợi dây liên lạc gây nên sự đồng nhất ấy" (Sđd ;tr.585).

Ở sách *Nguyễn Công Trứ – luận đề, nghiên cứu, khảo luận*, Kiêm Đạt có ý kiến cụ thể hơn về ý thức *con người cá nhân* nơi Nguyễn Công Trứ: "Con người hỗn nhiên từ từ chồm dậy, cởi mở và cuối cùng đã phung phá ra mới chợt tỉnh thấy cái bản ngã hùng hậu của kẻ sĩ thể hiện nguyên hình (...) Phản ứng của nhà nho Nguyễn Công Trứ thể hiện ông là nhân chứng kín đáo và dấu vết sâu sắc của thời đại (...) Lùi về trước sẽ gặp một Nguyễn Du hoài nghi, chán ngán cái thân "dơ dáng, đại hình", tiến thêm sâu sẽ gặp một Cao Bá Quát bất mãn, kiêu căng, ngạo mạn để đi đến chỗ tự tận..." (Sđd;tr.136)

Còn tác giả *Khảo luận về Nguyễn Công Trứ* lại có nhận xét như sau: "Tổng hợp Tam giáo không máy móc, Nguyễn Công Trứ còn ý thức được bản vị của con người với cá tính và sự nghiệp riêng biệt (...) ở thời đại Tướng công, con người chỉ được coi như hồi quang của vũ trụ, như một tế bào vô danh của gia đình và xã hội, tư tưởng và cá tính ấy thật mới mẻ" (Sđd; tr.60).

Cũng trong thời kỳ này, khi bàn về triết lý nhân sinh trong văn thơ Nguyễn Công Trứ, Phạm Thế Ngũ ở *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* cho rằng: “Về lý thuyết nó coi con người như bị tù hãm trong một số dữ kiện tiên thiên và trách vụ xã hội – và như vậy chỉ còn đặt cứu cánh ở thể hiện bản chất mình, tìm đường đi ở tuân theo định mệnh mình. Song lại bày cho sự giải phóng bằng cách siêu lên một thái độ ý thức và khách quan. Về thực hành, nó đưa đến một nếp sống nhằm thoả mãn mọi khuynh hướng, dốc cạn mọi dục vọng, luôn luôn tùy ngộ, tùy thích, luôn luôn mãnh liệt căng thẳng.” (Sđd;tr.522).

Đặc biệt nhất có lẽ là Thanh Lãng với *Bản lược đồ văn học Việt Nam* (1967). Ông đã đề xuất cách phân kỳ văn học trung đại Việt Nam bằng *tiêu chí thế hệ các nhà văn*. Thời kỳ văn học trung đại được phân thành 8 giai đoạn. Có hai nhà văn được dùng làm đại diện cho cả thế hệ. Đó là thế hệ Nguyễn Du (1788 – 1820) và thế hệ Nguyễn Công Trứ (thế hệ thứ 7: 1820 – 1862). Tạm không bàn đến tên gọi các thế hệ và cách phân kỳ quá chi tiết này, ta thấy Nguyễn Công Trứ được đại diện cho cả một thế hệ thì thật là thú vị. Sáng tác của ông phải nổi bật về giá trị (nhất là về nhân bản, nhân sinh) thì mới được đánh giá trang trọng như vậy.

3. Từ 1975 đến nay :

Mở màn, năm 1976, là bộ *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX* (Nxb Giáo dục, tái bản 1997) của GS. Nguyễn Lộc. Tác giả đã dành hẳn một chương để nghiên cứu và đánh giá Nguyễn Công Trứ theo các tiêu chí như vừa nói. “Chương sách này chứa đựng rất nhiều nhận định đúng đắn và sâu sắc. Ở nhiều trang, đề cập tới những khía cạnh phức tạp, đầy mâu thuẫn trong nhân cách, hành trạng Nguyễn Công Trứ, tác giả đã có một cách nhìn rất thấu đáo, “tri kỷ “với đối tượng của mình” (Phạm Vĩnh Cư, *Thơ hành lạc của Nguyễn Công Trứ và dòng thơ an lạc thế giới*, TCVH – 7/1995).

Ngoài ra, tác giả còn lý giải rất tinh tế khi cho rằng mầm mống của mọi bi kịch của Nguyễn Công Trứ chính từ quan niệm “nam nhi” của ông. “Nam nhi” không chỉ là bốn phận “quân thân”, mà còn là ý thức về vai trò và giá trị của cá nhân mình.

Năm 1980, Ủy ban KHXHVN ấn hành bộ *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập 1, dày gần 400 trang. Thật đáng ngạc nhiên khi mà sáng tác của Nguyễn Công Trứ vẫn không được dành riêng cho một chỗ đứng. Trong khi đó, các tác giả khác như Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, nhóm Ngô gia văn phái, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát,... mỗi người (nhóm) đều được dành cho một chương khá bề thế. Xem ra, “*nổi ám ảnh* “ một thời dai dẳng thật! Quá hơn, dù chỉ được nhắc đến một cách sơ sài trong khi trình bày phần văn thơ của Cao Bá Quát, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hoàn vẫn tiếp tục truy cứu Nguyễn Công Trứ: “Là một tín đồ trung thành của Tống Nho (...) Cái mà ông gọi là chí nam nhi, là nợ tang bồng: và ca ngợi bằng những lời lẽ khoa trương (...) thực ra cũng chẳng phải là cái gì mới lạ. Đó chẳng qua là lý tưởng công danh phong kiến (sđd 392). Cho dù, trong thâm tâm, Nguyễn Văn Hoàn cũng có lúc thừa nhận “tự tin ở tài năng của mình, Nguyễn Công Trứ đồng thời cũng có ý thức sâu sắc về sự tồn tại, về địa vị, về sứ mệnh cá nhân mình ở trời đất” (Sđd; 392).

Năm 1983, Trương Chính biên soạn *Thơ văn Nguyễn Công Trứ* (Nxb Văn hoá, Hà Nội). Trong lời giới thiệu, tác giả đã xem xét một cách khá bình tĩnh và thấu đáo hơn biểu hiện nhân bản của văn thơ họ Nguyễn, đã tránh được kiểu quy chụp lịch sử – xã hội máy móc, đã xác định giá trị đích thực về tư tưởng, tâm hồn thi ca Nguyễn Công Trứ. Tác giả đã có nhận định khá xác đáng: “Quả thật từ trước đến nay, việc đánh giá con người Nguyễn

Công Trứ và thơ ông chưa thật thoả đáng... nhẹ bên này, nặng bên kia, chưa kịp khen đã vội chê, mặc dù chê hay khen đều có bằng cứ, để làm cho người đọc có cảm giác đánh giá chưa công bằng” (Sđd;tr.43) và có cách nhìn bình tĩnh hơn, không đòi hỏi nhà thơ (N.C.T) phải suy nghĩ hành động như chúng ta ngày nay. Chúng ta sẽ vui mừng khi thấy nhà thơ có những suy nghĩ, những hành động trệ hơn hẳn những người cùng thời đại”. (Sđd;tr.5).

Từ những năm cuối của thập niên 80 thế kỷ XX đến nay, trong đà đổi mới chung của đất nước, công tác nghiên cứu – phê bình văn học nói chung và văn chương Nguyễn Công Trứ nói riêng cũng được chấn hưng. Năm 1994, Uỷ ban Khoa học xã hội đã có hẳn một cuộc *Hội thảo khoa học về con người, cuộc đời và thơ ca Nguyễn Công Trứ*. Thơ văn Nguyễn Công Trứ được giảng dạy nhiều hơn ở các trường trung học, ở các khoa Ngữ văn các trường đại học. Tuy chưa có hẳn một công trình nghiên cứu chuyên biệt cho riêng văn thơ Nguyễn Công Trứ, nhưng nhìn chung diện mạo của đời sống nghiên cứu phê bình về sáng tác của ông rất đa dạng, phong phú. Nhiều kết luận lâu nay ngỡ đã an bài số phận thì giờ đây được đặt lại, được thẩm định lại. Đã đến lúc người ta phải trả lại những giá trị đặc sắc cho một tầm vóc lớn lao của tư tưởng.

Chúng ta có thể kể ra đây một số công trình mà trong đó rải rác đề cập nghiên cứu văn thơ Nguyễn Công Trứ như : Trần Đình Hượu với *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại* (1995); và *Đến hiện đại từ truyền thống* (tái bản lần 2, 1996); Lê Trí Viễn với *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam* (1996) và *Quy luật phát triển lịch sử văn học Việt Nam* (1998); Trần Đình Sử với *Máy vấn đề thi pháp văn học Trung đại Việt Nam* (1999); Trần Ngọc Vương với *Nhà Nho tài tử và văn học Việt Nam* (1995) và *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung* (1998); nhóm tác giả với *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam* (1997)... Ngoài ra còn có một số bài viết như: *Thơ hành lạc của Nguyễn Công Trứ và dòng thơ an lạc thế giới* của Phạm Vĩnh Cư (TCVH 7-1995); *Lý tưởng anh hùng trong thơ Việt Nam thời Nguyên sơ* của Hoàng Phủ Ngọc Tường (1995); *Tính hiện đại của Nguyễn Công Trứ* của Vương Trí Nhàn (1995); *Nguyễn Công Trứ với chúng ta hôm nay* của Nguyễn Khoa Điềm (1995); *Hát nói Nguyễn Công Trứ* của Nguyễn Đức Mậu (TCVH 11/2000).

Đây là chưa kể những công trình tổng hợp như: Chu Trọng Huyền với *Nguyễn Công Trứ – con người và sự nghiệp* (1985) và *Nguyễn Công Trứ – thơ và đời* (1996); hoặc các loại truyện danh nhân văn hoá như: *Nguyễn Công Trứ* của Vũ Ngọc Khánh (Nxb Văn hoá, 1983); *Về Tiên Điền nhớ Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ* của Đặng Duy Phúc (1994); *Nho tướng Nguyễn Công Trứ* của Vu Gia (1997)...

Điểm mới của việc nghiên cứu trong giai đoạn này là: Do sinh hoạt chính trị tư tưởng của xã hội không còn các “vùng cấm” nên người ta có thể nói thẳng, nói thật về giá trị đặc sắc của văn chương Nguyễn Công Trứ. Văn chương Nguyễn Công Trứ được nhìn nhận dưới quan điểm học thuật và nghiên cứu mới, rất lịch sử và cụ thể trong mối quan hệ đồng đại, lịch đại, được bổ sung các phương pháp nghiên cứu mới như thi pháp học, phân tâm học, cấu trúc luận cũng như lý thuyết tiếp nhận văn học...

Chúng ta có thể kể ra đây một số ý kiến nghiên cứu rất mới mẻ. GS.Trần Đình Hượu trong sách *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, khi khái quát về con người trong xã hội Việt nam cổ truyền, từ góc nhìn Nho học, đã đưa ra khái niệm *con người chức năng và xã hội luân thường*: “Trong xã hội luân thường, con người không phải là những cá nhân có thân thể, có dục vọng, có quyền lợi, có cá tính ... mà là những con người chức năng” (Sđd;tr.123). Cho nên trong xã hội ấy (luân thường) con người là những *thần dân* chứ chưa phải là *công dân*: “Đối với vua, họ vừa là nô lệ, vừa là lệ nông, vừa là tá điền. Họ bị tước mất nhân cách,

đúng ra là chưa có để mà mất, chưa có đủ để mà cảm thấy sự mất mát” (Sđd;tr.67). Với gợi ý trên, chúng ta càng thấy rõ hơn do không có những điều kiện để phát triển lên thành những cá nhân, nhất là cá nhân hiện đại biết khẳng định giá trị tự thân mà vẫn hài hoà với cộng đồng nên con người chức năng, con người *thần dân* như vừa nói, một mặt *giữ đúng phận vị* của mình, mặt khác lại khẳng định mình bằng *nhân cách*: học vấn cao rộng, đạo đức thanh cao. Cái đặc sắc, cái mới mẻ của con người cá nhân *Nguyễn Công Trứ chính ở chỗ không tuân theo quan niệm thông lệ này* (chúng tôi nhấn mạnh – NVN). GS.Trần Đình Hượu còn cho rằng, trong giai đoạn này đã có những đô thị trung đại phương Đông tại Việt Nam nên tư tưởng thị dân đã ảnh hưởng tới một bộ phận nhà nho, giúp họ mở rộng khẩu độ tiếp nhận tư tưởng Lão Trang, và một mô thức nhà nho kiểu mới xuất hiện: *nhà Nho tài tử*. Thực chất nhà nho tài tử là thứ nhà nho lệch chuẩn, nho phi chính thống, nho phi nho: “Nhà Nho tài tử đối lập TÀI với ĐỨC, TÌNH với TÍNH, coi trọng thích thú, cá nhân, đòi tự do, phóng khoáng và hưởng thụ lạc thú trần tục” (Sđd; tr.54). Năm 1999, Đoàn Lê Giang trong luận án Tiến sĩ Ngữ văn của mình tiếp tục cụ thể hơn mô thức *nhà nho tài tử* này. Ở Nguyễn Du là nhà nho *tài tử – nghệ sĩ*; ở Nguyễn Công Trứ là nhà nho *tài tử – hào kiệt* và ở Cao Bá Quát là nhà nho *tài tử – du hiệp*. Đặc biệt, khi đánh giá cá tính sáng tạo văn học ở Nguyễn Công Trứ, thì GS.Trần Đình Hượu lại chọn một *điểm nhìn* mới mẻ – đó là xem xét *thể loại*. Ông cho rằng, sở dĩ Nguyễn Công Trứ là người có công lớn nhất trong việc bổ sung, hoàn thiện thể loại *Hát nói* và sử dụng nó như một đặc địa là vì *Hát nói* thoả mãn nhu cầu tự sự và bộc lộ nội tâm (hơn hẳn so với các thể loại khác). “Thể loại ca khúc ở môi trường hành lạc đó cho phép Nguyễn Công Trứ nói đầy đủ nhất triết lý cá nhân của một nhà nho tài tử ” (Sđd; tr.472).

Trong *Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam* (Nxb Giáo dục, 1995), Trần Ngọc Vương (học trò theo nghĩa *môn đồ* của GS Trần Đình Hượu), đã tiếp tục mở rộng và đi sâu hơn về khái niệm *nhà nho tài tử*. Có điều, tác giả không xem nhà nho tài tử là một *mẫu người* mà là một *giai tầng người* (lớp người) tồn tại thật trong xã hội (cùng 2 lớp nhà nho khác là *hành đạo* và *ẩn dật*). Trong lớp *nhà nho tài tử* này thì Nguyễn Công Trứ là người *nổi bật nhất*. Nhằm giải mã sáng tác văn chương Nguyễn Công Trứ, tác giả đã dùng khái niệm “*nhà nho tài tử*” này như là một tiêu chí loại hình học để mà tiếp cận và khai phá, và cho rằng Nguyễn Công Trứ đã đi tiên phong trong việc thể hiện cá tính cá nhân trên địa hạt văn chương một cách đặc sắc nhất. Cái có vẻ đơn nhất này của Nguyễn Công Trứ, xét đến cùng lại là đại diện tiêu biểu nhất về sự đa dạng, toàn vẹn của cả một giai đoạn văn học. Tiếp tục với kiến giải này, cũng Trần Ngọc Vương trong *Văn học Việt Nam – dòng riêng giữa nguồn chung* (Nxb Giáo dục, 1998) đã cho rằng: “ở văn chương Nguyễn Công Trứ như có nguồn thi hứng mới, từ hồi quang người anh hùng thời loạn đến khuôn hình một tài tử phong lưu” (Sđd; tr.257).

Trong *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam* (Nxb Giáo dục,1996), GS.Lê Trí Viễn lại bàn về vấn đề con người cá nhân trên cấp độ hệ thống. Tác giả đã xem *vô ngã* và *hữu ngã* là đặc trưng thứ hai của văn học trung đại Việt Nam. Tác giả nhận định “*Vô ngã* và *hữu ngã* là đặc trưng thứ hai... Vô ngã đi suốt chiều dọc của mười thế kỷ. Hữu ngã chỉ manh nha từ trước cho đến thế kỷ XV, hiện ra rụt rè che giấu ở thế kỷ XVI, XVII, phát triển đẹp đẽ ở đoạn giữa thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX rồi đổi dạng ở thế kỷ XIX, cuối cùng cả vô lẫn hữu kết nhau vào đoạn cuối thế kỷ” (Sđd;tr.275). Đặc biệt, khi bàn tới công danh của Nguyễn Công Trứ, tác giả lý giải: “... Ngay khi con người cá nhân nổi lên trong văn học như những thập kỷ vừa qua, nay lại có tiếng nói mạnh dạn hơn. Dù sao, khi đất nước đã trở lại hoà bình, sự thống nhất được thực hiện, không gian cho hoạt động con người mở rộng, ảo tưởng về một cơ

hội thịnh trị được sống lại, con người cá nhân lại khẳng định cương vị không thể thiếu của mình trong trời đất, giữa cõi trời “Trót sinh ra thời phải có chi chi. Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu”, hoặc “Đã mang tiếng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông”. Đóng góp cho nhà nước nhưng nổi danh cho mình là quan trọng” (Sđd;tr.275).

Năm 1997, Nhà xuất bản Giáo dục đã tập hợp các bài nghiên cứu để ấn hành cuốn *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam*. Có thể xem tập hợp này như là “cuộc hẹn tình cờ” của những ai quan tâm tìm hiểu *con người* nói chung và *con người* trong văn học trung đại Việt Nam nói riêng (bao gồm *con người cá nhân* của tác giả như là chủ thể sáng tạo, *con người cá nhân* của nhân vật tự sự hay trữ tình ...). Vấn đề con người – cá nhân trong văn học có thể nói như là nổi bật khoả âm ảnh, như là đối tượng khảo sát hấp dẫn được đặt ra và ngày càng thu hút các nhà nghiên cứu. Bởi vì “vấn đề cá nhân trong văn học lại gắn liền với đặc trưng văn học, với vấn đề phong cách cá nhân. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà nhiều công trình nghiên cứu thi pháp văn học cổ trung đại bắt đầu đề cập tới vấn đề con người cá nhân trong văn học” (Sđd ;tr.4). Tập sách này cũng đã nêu lên một số chuẩn mực quy ước, nhất là mặt khái niệm, tạo nên một quan niệm nền tảng cũng như một số khía cạnh cơ bản về lý luận, nhằm hướng tới sự thống nhất, hoặc chí ít ra cũng là “thoả thuận” về vấn đề *con người – cá nhân*, một vấn đề đầu sao cũng còn là mới mẻ, còn để ngỏ, còn đa cực.

Cũng trong cuốn sách này, khi khảo sát sơ bộ *con người – cá nhân* trong sáng tác văn chương Nguyễn Công Trứ, Trần Đình Sử cho rằng đó là “con người cá nhân công danh, hưởng lạc ngoài khuôn khổ” (Sđd;tr.179). Công danh mà Trần Đình Sử nhắc ở đây là “một phạm trù lưỡng tính, vừa mang nội dung quốc gia xã hội, vừa mang nội dung cá nhân” (Sđd; tr.180), hoặc “hưởng lạc là phạm vi thể hiện tài tính: cầm, kỳ, thi, tửu, tùng cúc, phong, nguyệt” (Sđd ; tr.181)...

Trên đây, chúng tôi đã phác thảo những nét chính của hành trình nghiên cứu tiếp nhận văn chương Nguyễn Công Trứ với tiêu chí: *Con người cá nhân và cá tính sáng tạo*. Nó như “hành lộ nan”, có lúc rẽ ngã, có lúc khúc xạ, nhưng nó luôn nóng hổi bởi giá trị “thời sự” hiếm thấy. Bản thân văn chương của Nguyễn Công Trứ, thế giới nghệ thuật của Nguyễn Công Trứ rất “đa chiều kích”, lại hướng thượng đến chóng mặt giữa những cường lực trái ngược, nên muốn hiểu nó và cảm nó thì phải chiêm nghiệm nó như từ mặt sau của một tấm huy chương. Hơn nữa, dù muốn dù không, những tài liệu nghiên cứu về văn chương Nguyễn Công Trứ lâu nay vẫn chỉ là lẻ tẻ, chưa phải là tích hợp cả phía bề rộng lẫn chiều sâu. Thiết tưởng, chúng ta cần phải kế thừa hơn nữa sự khai phá của những người đi trước, tiếp tục bổ sung và phát triển những vấn đề đã nêu ra, để hầu mong từng bước chiếm lĩnh toàn diện di sản Văn học của Nguyễn Công Trứ.

STUDY ON THE LEARNING OF NGUYEN CONG TRU'S WORKS

Nguyen Viet Ngoan

Department of Education and Training Ho Chi Minh City

ABSTRACT: Vietnamese literature in the later half of XVIII and the first half of XIX was a pinnacle of national literature in Middle Ages. After forming, existing and developing for

eight centuries, our literature absolutely has enough conditions and foundations to shoulder its historical mission. This is the most brilliant development age of the literature with many great achievements which are successful in quality and quantity.

Nguyễn Công Trứ is a poet making a great contribution to national literature in this age. However, receiving and evaluating his works as well as his personality, we can see that there are many different point of views. This paper is aim to look back the research itinerary of that receiving and evaluating.